

Số: *M* /2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xử lý các khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn xử lý các khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn xử lý các khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 118/2014/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP; nông, lâm trường quốc doanh Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP (sau đây viết tắt là công ty nông, lâm nghiệp);

b) Các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

c) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc xử lý khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Thời điểm chuyển đổi” là thời điểm khóa sổ kế toán, lập báo cáo tài chính kết thúc quý gần nhất kể từ ngày Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. “Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp” là Đề án sắp xếp, đổi mới của công ty nông, lâm nghiệp theo các hình thức: tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển theo hình thức Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, chuyển thành công ty cổ phần, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, giải thể công ty nông, lâm nghiệp và chuyển thành ban quản lý rừng phòng hộ theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập có thu.

3. “Khoản nợ vay” bao gồm tất cả các khoản nợ vay cũ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác tính đến thời điểm công ty nông, lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. “Xử lý khoản nợ vay” bao gồm: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau, bán nợ, chuyển giao nợ, chuyển nợ vay thành vốn góp, cổ phần và các biện pháp khác theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý nợ vay

1. Khoản nợ vay tổ chức tín dụng của công ty nông, lâm nghiệp phải được bảo toàn trong quá trình sắp xếp, đổi mới theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.

2. Trước khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công ty nông, lâm nghiệp phải huy động các nguồn vốn hợp pháp để thanh toán các khoản nợ vay cho tổ chức tín dụng hoặc thỏa thuận với tổ chức tín dụng về phương án xử lý khoản nợ vay.

3. Thời điểm xử lý khoản nợ vay là thời điểm chuyển đổi hoặc một thời điểm khác sau thời điểm chuyển đổi theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và công ty nông, lâm nghiệp.

4. Tổ chức tín dụng thực hiện xử lý khoản nợ vay đối với công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Đối chiếu, xác nhận khoản nợ vay

Sau khi công ty nông, lâm nghiệp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện sắp xếp, đổi mới theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, tổ chức tín dụng và công ty nông, lâm nghiệp phải thực hiện ngay việc đối chiếu, xác nhận khoản nợ vay cần phải xử lý, tài sản bảo đảm của khoản nợ vay trên cơ sở hợp đồng tín dụng, hồ sơ về tài sản bảo đảm tiền vay, giấy nhận nợ và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 5. Xử lý khoản nợ vay

1. Đối với công ty nông lâm nghiệp được tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu theo Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP:

a) Trên cơ sở Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công ty nông, lâm nghiệp chủ động xây dựng phương án trả nợ vay khả thi để đề nghị tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay hoặc ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau.

b) Trường hợp không thỏa thuận được biện pháp xử lý nợ vay theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp xử lý khoản nợ vay theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với công ty nông, lâm nghiệp chuyển đổi thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ban quản lý rừng phòng hộ theo Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP:

a) Trước khi thực hiện chuyển đổi theo Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công ty nông, lâm nghiệp phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ vay cho tổ chức tín dụng hoặc thỏa thuận với tổ chức tín dụng về phương án chuyển giao khoản nợ vay từ công ty nông, lâm nghiệp (bên chuyển giao nợ) sang ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập từ việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp (bên nhận chuyển giao nợ). Phương án chuyển giao khoản nợ vay phải được lập thành văn bản, trong đó quy định cụ thể về thời điểm chuyển giao, giá trị khoản vay chuyển giao, tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên sau khi khoản nợ vay được chuyển giao.

b) Chuyển giao khoản nợ vay

(i) Việc chuyển giao khoản nợ vay được thể hiện bằng văn bản trên cơ sở các tài liệu sau:

+ Hồ sơ pháp lý của ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ công ty nông, lâm nghiệp gồm văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý và các tài liệu khác;

+ Hợp đồng tín dụng; Giấy nhận nợ của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng;

+ Biên bản đối chiếu, xác nhận khoản nợ vay;

+ Hồ sơ về tài sản bảo đảm của khoản nợ vay;

+ Các tài liệu khác có liên quan.

(ii) Tổ chức tín dụng và ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ký hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng), giấy nhận nợ của khoản nợ vay được chuyển giao. Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, lãi suất cho vay, cơ chế bảo đảm tiền vay, phương thức trả nợ được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

(iii) Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, ưu tiên thu nợ gốc trước, thu nợ lãi sau đối với ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật hiện hành.

(iv) Ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ vay nhận chuyển giao.

c) Chuyển nợ vay thành vốn góp cổ phần

Tổ chức tín dụng thỏa thuận với công ty nông, lâm nghiệp để chuyển nợ vay thành vốn góp cổ phần (đối với công ty nông, lâm nghiệp cổ phần hóa), vốn góp (đối với công ty nông, lâm nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên). Việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Đối với công ty nông, lâm nghiệp giải thể theo Điều 7 và Điều 11 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP:

a) Công ty nông, lâm nghiệp phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ vay cho tổ chức tín dụng trước khi giải thế;

b) Trường hợp công ty nông, lâm nghiệp giải thế không có khả năng thanh toán các khoản nợ vay và không còn tài sản để xử lý, tổ chức tín dụng báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý từng trường hợp cụ thể.

4. Tổ chức tín dụng phối hợp với công ty nông, lâm nghiệp để xử lý khoản nợ vay theo phương thức bán nợ cho các tổ chức, cá nhân có chức năng mua nợ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Xử lý khoản nợ vay đối với trường hợp đất của công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý mà tài sản trên đất hình thành từ nguồn vốn vay tổ chức tín dụng

Trường hợp công ty nông, lâm nghiệp bàn giao đất về địa phương quản lý theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP mà tài sản trên đất hình thành từ nguồn vốn vay tổ chức tín dụng thì việc xử lý khoản nợ vay được thực hiện như sau:

1. Công ty nông, lâm nghiệp và tổ chức tín dụng xác định giá trị tài sản được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay tổ chức tín dụng (tài sản hình thành từ vốn vay) tại thời điểm bàn giao để làm căn cứ xác định khoản nợ vay (gốc, lãi) tương ứng với giá trị tài sản hình thành từ vốn vay được bàn giao. Việc xác định giá trị tài sản hình thành từ vốn vay được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc bàn giao tài sản hình thành từ vốn vay và khoản nợ vay phải được lập thành biên bản có đủ chữ ký của các bên: công ty nông, lâm nghiệp; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tín dụng. Nội dung biên bản bàn giao cần ghi rõ về loại tài sản, giá trị tài sản hình thành từ vốn vay, khoản nợ vay (gốc, lãi) tương ứng, cam kết và trách nhiệm xử lý của các bên liên quan. Trường hợp giá trị khoản nợ vay bàn giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhỏ hơn giá trị khoản vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng, công ty nông, lâm nghiệp có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần chênh lệch cho tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bàn giao ký hợp đồng tín dụng của khoản nợ vay được bàn giao. Thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ, lãi suất cho vay, cơ chế bảo đảm tiền vay, phương thức trả nợ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Phân loại nợ và xử lý rủi ro

1. Tổ chức tín dụng được xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn

trả nợ đối với khoản nợ vay phát sinh trước thời điểm công ty nông lâm nghiệp được sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.

2. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ vay quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện 01 (một) lần và thời hạn thực hiện cơ cấu lại là 02 (hai) năm kể từ ngày công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu theo Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP hoặc chuyển đổi thành ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức tín dụng phải thường xuyên rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của công ty nông, lâm nghiệp sau khi khoản nợ vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Khoản nợ vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư này nhưng công ty nông, lâm nghiệp vẫn không trả được nợ khi đến hạn theo thời hạn cơ cấu lại thì tổ chức tín dụng thực hiện phân loại và xử lý khoản nợ vay theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

4. Ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập từ việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Điều 8. Trách nhiệm của công ty nông, lâm nghiệp và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển giao khoản nợ vay

1. Công ty nông, lâm nghiệp cung cấp đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho tổ chức tín dụng để thực hiện đối chiếu, xác nhận, xử lý các khoản nợ vay trong quá trình sắp xếp, đổi mới; thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các tổ chức tín dụng.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển giao khoản nợ vay, thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các tổ chức tín dụng.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Kiểm tra, rà soát lại các công ty nông, lâm nghiệp là công ty nông, lâm nghiệp thuộc diện sắp xếp, đổi mới để xử lý khoản nợ vay theo quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành.

2. Theo dõi, quản lý riêng việc cho vay đối với công ty nông, lâm nghiệp trước và sau khi sắp xếp, đổi mới.

3. Chủ động kiểm tra, rà soát danh sách các công ty nông, lâm nghiệp thuộc diện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP để phối hợp xử lý khoản nợ vay theo quy định.

4. Định kỳ chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu tiên của quý bắt đầu từ Quý 4 năm 2015, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) kết quả xử lý nợ đối với công ty nông, lâm nghiệp theo Phụ lục đính kèm Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Định kỳ quý tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả xử lý nợ đối với công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ:

Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc xử lý nợ của tổ chức tín dụng đối với công ty nông, lâm nghiệp theo quy định của Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.


4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành


1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2015 và thay thế Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn thực hiện việc giao, nhận nợ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận bàn giao tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay

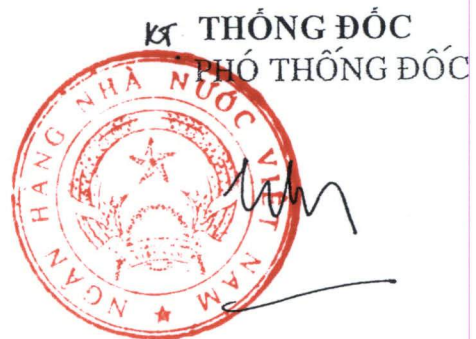
các tổ chức tín dụng trong quá trình sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh.

2. Đối với những khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được tổ chức tín dụng xử lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận đã ký giữa tổ chức tín dụng và công ty nông, lâm nghiệp. Việc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận nêu trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (giám đốc) các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 11;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và đầu tư (để phối hợp thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TDCNKT (3 bản). 



Nguyễn Đồng Tiến

Tên tổ chức tín dụng

BẢO CÁO TÌNH HÌNH XỬ LÝ NỢ VAY CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ TRONG QUÁ TRÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-NHNN ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đến ngày..... tháng năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty nông nghiệp/lâm nghiệp	Dư nợ			Nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ	Nợ được miễn, giảm lãi vay	Nợ xấu		Bán nợ			Góp vốn cổ phần			Nợ chuyển giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân		Nợ đã được xử lý sau khi công ty nông, lâm nghiệp bị giải thể	Ghi chú		
		Tổng số	Phân theo thời hạn cho vay	Trong đó, nhóm 5			Nợ đã xử lý rủi ro (ngoại bảng)	Số nợ đã bán	Tên tổ chức mua nợ	Nợ chuyển thành vốn góp cổ phần (đối với công ty cổ phần)	Nợ chuyển thành vốn góp (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên)	Tổng số	Nợ chuyển giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Nợ các công ty nông lâm nghiệp tiếp tục thanh toán cho TCTD						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
I	Công ty nông, lâm nghiệp Nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ được duy trì, củng cố, phát triển, tái cơ cấu																			
1																				
2																				
...																				
II	Công ty nông, lâm nghiệp Nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ chuyển đổi theo Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP																			
II.1	Chuyển đổi thành Ban quản lý rừng																			
1																				
2																				
...																				
II.2	Chuyển đổi thành Công ty cổ phần																			
1																				
2																				
...																				
II.3	Chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên																			
1																				
2																				
...																				

(Handwritten signature)

III Công ty nông, lâm nghiệp bị giải thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền																				
1																				
2																				
...																				
Tổng số (= I+II+III)																				

Ghi chú: Cột (3), (4), (5) : Dự nợ báo cáo bao gồm cả nợ khoanh và nợ chờ xử lý.

Lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, SDT liên hệ)

Kiểm soát

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đại diện hợp pháp của TCTD

(Ký tên, đóng dấu)